TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

2. Ông Đường Ngọc Đại

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2016/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX - ST ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh V

2. Bị đơn: Anh Bùi Phi H1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, phường T, thị xã P, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 11 năm 2016 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Phi H1 được tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 2014 tại UNBD phường Trưng Trắc, thị xã Phúc Yên. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh H1, cuộc sống ban đầu của vợ chồng hạnh phúc. Anh H1 mắc nghiện ma túy, tháng 10/2014 anh H1 đã phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Vĩnh Phúc. Chị có lên Trung tâm thăm anh H1 và động viên anh cai nghiện, do mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị đã tự dọn ra ngoài thuê nhà trọ

tại phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 7/2015. Tháng 8/2016 anh H1 đi cai nghiện bắt buộc về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Tháng 10/2016 chị đã về nhà mẹ đẻ chị tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh V sinh sống, chị và anh H1 sống ly thân. Anh H1 có lên níu kéo chị quay về chung sống nhưng anh H1 vẫn chưa từ bỏ được ma túy, không chịu làm ăn, thường xuyên đe dọa chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Phi H1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chỉ có mặt một lần vào ngày 05/01/2017 trong biên bản lấy lời khai anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị H được tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 2014 tại UNBD phường T, thị xã P. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu nhà anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Do anh mắc nghiện ma túy, tháng 10/2014 anh đã phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H có lên thăm anh và còn đón anh lúc về. Khi về anh nói chị H về chung sống cùng anh và gia đình, chị H không nghe mà vẫn ở nhà trọ sau đó thì về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị H xin ly hôn, anh không nhất trí vì không biết lý do gì, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Lời khai của những người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ của anh H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai: Anh H1 và chị H kết hôn với nhau từ tháng 8/2014, chị Hvề chung sống cùng gia đình nhà chồng. Tháng 10/2014 thì anh H1 đi cai nghiện bắt buộc, chị H ở nhà có quan hệ bất chính với người khác, chị H tự động bỏ ra ngoài ở riêng từ tháng 7/2015. Sau khi cai nghiện về anh H1 có đến gặp và nói chuyện với chị H. Vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, xích mích, xô xát với nhau. Tháng 9/2016 thì chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Vĩnh Tường sinh sống, chị H không về nhà bà từ đó cho đến nay. Anh H1 thì do vẫn mắc nghiện hay bỏ nhà đi, những lần tòa án báo gọi gia đình đã thông báo đến anh H1. Vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung không có, về tài sản chung, vay nợ, công sức anh chị không có gì.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên có quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về xin ly hôn bị đơn hiện tại ở tại tổ 13, phường T, thị xã P, tỉnh V, thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên giải quyết.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho những người tham gia tố tụng và chuyển quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 xử:

Chị Phan Thị H ly hôn anh Bùi Phi H1

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 28 tháng 11 năm 2016 chị Hcó đơn xin ly hôn đối với anh Bùi Phi H1. Bị đơn cư trú tại sốTổ 13, phường Trưng Trắc, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên giải quyết theo quy định tại 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Thư ký Tòa án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành theo giấy báo gọi của tòa án, không đến Tòa án để giải quyết. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H với anh Bùi Phi H1. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh H1 đều thống nhất có được tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn với nhau năm ngày 20 tháng 8 năm 2014 tại UBND

phường Trưng Trắc, thị xã Phúc Yên. Sau khi kết hôn chị Hvề chung sống cùng với gia đình anh H1. Chị H làm đơn xin ly hôn với anh H1 vì lý do:

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh H1 mắc nghiện ma túy, đã đi cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ được. Sau khi anh H1 đi cai nghiện về thì vợ chồng không ở chung, xảy ra tranh cãi, xích mích, xô sát với nhau. Đến tháng 10/2016 thì chị đã về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không cải thiện, chị làm đơn xin ly hôn vì xác định mâu thuẫn lớn, tình cảm vợ chồng với anh H1 không còn.

Anh H1 đề nghị để vợ chồng đoàn tụ chỉ vì không biết lý do chị Hlàm đơn ly hôn anh là gì. Anh không nhất trí ly hôn nhưng trong suốt quá trình tòa án giải quyết báo gọi anh không có mặt để thể hiện ý chí nguyện vọng của mình. Chỉ đến khi Tòa án đến lấy lời khai anh mới khai là không nhất trí ly hôn. Trong quá trình tòa án mở phiên tòa anh cũng không tham gia để giải quyết. Mặc dù có đề nghị đoàn tụ, nhưng bản thân anh H1 mắc nghiện ma túy, vẫn chưa có ý thực sự cai nghiện, thường xuyên không có mặt tại nhà, bỏ đi gia đình không biết được. Chứng tỏ việc anh đề nghị đoàn tụ chỉ là muốn gây khó khăn cho chị Htrong việc giải quyết ly hôn. Vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích ly hôn không đạt được, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hvới anh H1.

[3] *Về con chung*: Không có con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Theo quy định tài khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 chị H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H ly hôn anh Bùi Phi H1

[2] Về con chung: Không có con chung.

[3] Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Chị H và anh H1 không yêu cầu

nên không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải nộp là 200.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số: AA/2014/0003158 ngày 28 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Cục THADS tx Phúc Yên;
- UBND phường Trưng Trắc;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Xuân Thịnh	**Lê Thúc Giang**	**Trần Thị Hồng Quý**